

Bản án số: 10/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 09/01/2026

Về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
Chia tài sản khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Vân và bà Lê Thị Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mai Huế - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lào Cai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 174/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025 và Thông báo mở lại phiên tòa số 15/2025/TB-XX ngày 25/12/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hồng N, sinh năm 1983. Thẻ CCCD số 0151.83001512 do Bộ C cấp ngày 14/9/2024. Trú tại: Tổ dân phố N, phường Y, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Bùi Viết P, sinh năm 1973. Thẻ CCCD số 010073000556 do Cục C1 về TTXH Bộ C cấp ngày 13/04/2021. Trú tại: Tổ dân phố N, phường Y, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

- Quỹ tín dụng nhân dân phường N. Địa chỉ trụ sở: Phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái (nay là phường Y, tỉnh Lào Cai). Người đại diện theo pháp luật: Bà Đinh Thị H; chức vụ giám đốc. Bà H vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân phường Y, tỉnh Lào Cai. Địa chỉ: Tổ dân phố Y, phường Y, tỉnh Lào Cai. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Tiến T; chức vụ: Chủ tịch UBND. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đức M; chức vụ: Trưởng phòng kinh tế, hạ tầng và Đô thị phường Y. Ông M vắng mặt

- Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1956. Thẻ CCCD số 0331.5600.3704. Trú tại: Tổ dân phố Đ, phường Y, tỉnh Lào Cai. Bà N1 vắng mặt.

- Ông Bùi Viết N2, sinh năm 1935. Thẻ CCCD số 015035001933 do Cục C2 về TTXH Bộ C cấp ngày 06/9/2021 (đã chết ngày 16.9.2025). Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Bùi Viết N2 đồng thời là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:

+ Bà Lê Thị K, sinh năm 1949. Thẻ CCCD số 015149000197 do Cục C2 về TTXH Bộ C cấp ngày 13/4/2021. Cùng địa chỉ: Tổ dân phố N, phường Y, tỉnh Lào Cai. Bà K vắng mặt.

+ Anh Bùi Viết T1, sinh năm 1974. Thẻ CCCD số 010074003531 do CCSQLHC về TTXH Bộ C cấp ngày 27/06/2021. Nơi ĐKTT: Tổ H, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai (nay là tổ H, phường L, tỉnh Lào Cai). Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố N, phường Y, tỉnh Lào Cai. Anh T1 vắng mặt.

+ Anh Bùi Viết Q, sinh năm 1976. Thẻ CCCD số 010076000119 do Cục C2 về TTXH Bộ C cấp ngày 19/02/2021. Trú tại: Tổ dân phố N, phường Y, tỉnh Lào Cai. Anh Q vắng mặt.

+ Chị Bùi Thị Minh K1, sinh năm 1979. Thẻ CCCD số 015179000225 do Cục C2 về TTXH Bộ C cấp ngày 16/12/2021. Trú tại: Xóm B, xã G, tỉnh Ninh Bình (địa chỉ cũ: Xã G, huyện G, tỉnh Nam Định). Chị K1 vắng mặt.

+ Anh Bùi Viết P (là bị đơn đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Bùi Viết N2). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn - chị Trần Thị Hồng N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Bùi Viết P đăng ký kết hôn ngày 07/02/2015 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái (cũ), nay là UBND phường Y, tỉnh Lào Cai trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau. Mâu thuẫn đã được hai vợ chồng tìm cách khắc phục, hai bên gia đình cũng khuyên giải nhiều lần nhưng không cải thiện được. Chị N xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Bùi Viết P.

- Về nuôi con: Chị N và anh P có 01 con chung là cháu Bùi Phương T2, sinh ngày 18/6/2016. Chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T2 cho đến khi đủ 18 tuổi và yêu cầu anh P cấp dưỡng

nuôi con số tiền là 3.000.000 đồng/01 tháng.

- Về chia tài sản: Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ban đầu, chị N trình bày chị và anh Bùi Viết P có tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 170m², đất ở tại đô thị, tại địa chỉ tổ C, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái (nay là tổ dân phố N, phường Y, tỉnh Lào Cai), thửa đất số 213, tờ bản đồ số 08, do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Y cấp GCNQSDĐ ngày 15/5/2020 mang tên ông Bùi Viết N2 và bà Lê Thị K. Ngày 07/10/2022 được chỉnh lý tặng cho anh Bùi Viết P. Ngày 17/11/2022, được chuyển quyền sử dụng cho anh Bùi Viết P và chị Trần Thị Hồng N, tài sản gắn liền với đất là 01 nhà xây cấp 4, diện tích khoảng 170m². Trị giá nhà và đất ước tính khoảng 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng); Chị đề nghị được sử dụng diện tích đất 70m² đất ở tại đô thị, là một phần của thửa đất số 213, tờ bản đồ số 08, trị giá ước tính khoảng 800.000.000 đồng. Anh Bùi Viết P được sử dụng diện tích đất là 100 m², đất ở tại đô thị còn lại, trị giá 1.700.000.000 đồng, anh P có trách nhiệm trả nợ cho Quỹ tín dụng phường N số tiền là 500.000.000đồng.

Sau khi có kết quả đo đạc thẩm định tại chỗ, chị N đề nghị được Tòa án chia cho quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, gồm các thửa đất như sau:

+ Thửa đất số 1: Diện tích 46,0m² đã được cấp GCNQSD Đ, được xác định từ điểm 1 đến 2, 5, 7 về điểm 1, tài sản gồm: Bán mái tôn 17,3 m²; Nhà xây mái tôn 28,1m²;

+ Thửa số 2: Diện tích 7,7 m² đất gia tăng chưa được cấp GCNQSDĐ, được xác định từ điểm 5 đến 7, 8, 9 về điểm 5; tài sản gồm: Bán mái tôn 1,4m²; Nhà xây mái tôn 6,3 m²;

+ Thửa số 3: Diện tích 9,0m², đất hành lang mương thoát nước do UBND phường quản lý, được xác định từ điểm 8 đến 9, 12, 13 về điểm 8; tài sản gồm: Bán mái tôn 2,4 m²; Nhà xây mái tôn 6,6 m²;

+ Thửa số 4: Diện tích 8,4m² đất mương thoát nước do UBND phường quản lý, được xác định từ điểm 12 đến 13, 14, 15 về điểm 12; tài sản gồm: Bán mái tôn 8,4 m²;

Trường hợp nếu không được Tòa án chấp nhận chia cho sử dụng các thửa đất như nêu trên, chị đề nghị Tòa án buộc anh P phải trả cho chị phần chênh lệch giá trị tài sản trị giá bằng tiền là: 1000.000.000 đồng (Một tỷ đồng chẵn).

- Về nợ chung: Do anh P được chia phần tài sản có giá trị lớn hơn, nên anh P có nghĩa vụ trả nợ cho Q1 tín dụng nhân dân phường Nguyễn Thái H1 theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Theo bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn - anh Bùi Viết P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh P xác nhận thời gian, địa điểm kết hôn và những nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng như chị N đã trình bày là đúng. Anh đề nghị Tòa án hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng nếu chị N vẫn kiên quyết ly hôn thì anh cũng nhất trí.

- Về nuôi con: Anh và chị N có một con chung là cháu Bùi Phương T2, sinh ngày 18/6/2016, chị N đã có 01 con riêng với chồng trước tên là Nguyễn Hải D, sinh năm 2003, vì vậy anh có nguyện vọng được nuôi cháu Bùi Phương T2 cho đến khi đủ 18 tuổi, anh không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản: Anh và chị N có tài sản chung là thửa đất số 213, tờ bản đồ số 8; diện tích 170m² do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Y cấp ngày 17/11/2022 mang tên ông Bùi Viết P và bà Trần Thị Hồng N, tài sản gắn liền trên đất là 01 nhà xây cấp 4 khoảng hơn 100m² (do cất phần để lại cho em trai là Bùi Viết T1 50m² như hiện trạng thực tế hiện nay em trai anh vẫn đang ở để làm thủ tục tách bìa sau, như đã thỏa thuận với anh T1, trước khi đưa tên của chị N vào chung bìa sử dụng đất. Chị N có đóng góp số tiền là 450.000.000 đồng để xây nhà. Mẹ vợ anh có cho hai vợ chồng số tiền là 350.000.000 đồng để xây nhà, đến khi vợ chồng anh mâu thuẫn, chuẩn bị ra Tòa thì bà N1 có đòi lại số tiền này, nên anh đã vay mượn và trả cho bà N1 số tiền là 100.000.000 đồng, nên số tiền còn nợ lại bà N1 là 250.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bà N1 trình bày số tiền 350.000.000 đồng là bà cho riêng chị N, bà không yêu cầu chị N trả lại cho bà mà đề nghị Tòa án khi chia tài sản chung giữa anh P và chị N thì tính công sức đóng góp của chị N để trả lại cho chị (trong đó cả phần tiền bà N1 cho riêng chị N) thì anh cũng nhất trí. Anh đồng ý trả cho chị N tổng số tiền chị đã đóng góp và bà N1 đã cho riêng chị là 700.000.000 đồng, còn anh được sử dụng toàn bộ nhà và đất theo sổ đỏ và quyền sử dụng đất dôi dư chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như Sơ đồ hiện trạng khu đất xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án thuê Công ty CP Đ đã thực hiện ngày 14/7/2025.

Cụ thể, gồm các thửa đất sau:

- + Thửa số 1 đất ODT đã được cấp GCNQSDĐ, diện tích 170m²
- + Thửa số 2 đất gia tăng chưa được cấp GCNQSD đất, diện tích 25,1m²;
- + Thửa số 3 DCT diện tích thuộc hành lang nương, diện tích 38,1m²;
- + Thửa số 4 DCT đất lòng nương thoát nước, diện tích 38,1m²

Và toàn bộ các tài sản gắn liền với các thửa đất nêu trên.

Đối với các thửa đất số 2, 3, 4 là đất do UBND phường quản lý, chưa được

cấp Giấy CNQSDĐ đều nằm trong khuôn viên nhà anh, anh đã và đang sử dụng được nhiều năm, chính quyền địa phương cũng không có ý kiến gì, anh đề nghị Tòa án giao cho anh được tiếp tục sử dụng, đến khi nào Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi để thực hiện dự án hoặc mục đích khác anh sẽ tự nguyện di dời tài sản trên đất và bàn giao thực trạng QSDĐ các thửa 2, 3, 4 cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền sau.

Anh P đề nghị được trả khoản nợ 500.000.000 đồng tại Quỹ tín dụng nhân dân phường Nguyễn Thái H1 theo nội dung Hợp đồng tín dụng anh và chị N đã ký.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Quỹ tín dụng nhân dân phường N - Người đại diện theo pháp luật - Bà Đinh Thị H trình bày:

Ngày 31/12/2024, anh Bùi Viết P và chị Trần Thị Hồng N và Q1 tín dụng nhân dân phường Nguyễn Thái H1 ký Hợp đồng cho vay số 0224018/HĐCV; nội dung Bên B (ông Bùi Viết P và bà Trần Thị N) vay Bên A (Quỹ tín dụng nhân dân phường Nguyễn Thái H1) số tiền là: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng chẵn). Thời hạn cho vay 12 tháng.

Mục đích sử dụng vốn vay: Bán hàng vật liệu xây dựng; Phương thức giải ngân: Tiền mặt; Lãi suất: Lãi suất cho vay trong hạn: 03 tháng đầu: 9,0%/năm (từ ngày 31/12/2024 đến ngày 31/03/2025), từ tháng 4 trở đi cho đến khi thanh toán hết số tiền vay: thực hiện theo lãi suất Quỹ niêm yết tại thời điểm hoặc có thỏa thuận khác (được tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đến khi trả hết nợ gốc); Ngày đến hạn trả nợ 31/12/2025.

Thực hiện hợp đồng vay nêu trên, Quỹ tín dụng nhân dân phường Nguyễn Thái H1 đã giải ngân cho anh Bùi Viết P và chị Trần Thị Hồng N đủ số tiền là 500.000.000 đồng.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng nêu trên, ngày 05/12/2022, anh Bùi Viết P, chị Trần Thị Hồng N và Q1 tín dụng ký hợp đồng thế chấp tài sản số 107/HĐTC, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CL589494; Thửa đất số 213; Tờ bản đồ số: 8 (TL1/500); Diện tích sử dụng: Đất ở 170 m² đất ở tại đô thị; Địa chỉ thửa đất tại tổ C phường N - TP Y. Do Sở TN&MT tỉnh Y cấp ngày 15/05/2020. Số vào sổ cấp GCN: CS03705; và tài sản gắn liền trên đất nhà xây cấp 4 (02 tầng); Hợp đồng thế chấp tài sản số 107/HĐTC ngày 05/12/2022.

Đến nay anh chị P đang nợ Quỹ tín dụng số tiền sau:

Nợ gốc tính đến ngày 31/12/2025 là: 500.000.000 đồng.

Nợ lãi anh P vẫn đang thực hiện theo thỏa thuận của hợp đồng.

Hiện tại khoản vay vẫn chưa đến thời hạn thanh toán đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân phường Y, tỉnh Lào Cai - Người đại diện theo ủy quyền - ông Lê Đức M trình bày:*

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03705, ngày cấp 15/5/2020 sơ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Y (cũ) cấp cho ông Bùi Viết N2 và bà Lê Thị K với diện tích 170,0m², đất ở tại đô thị; thay đổi sau cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Ngày 07/10/2022, anh Bùi Viết P được nhận tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03705, ngày cấp 15/5/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Y (cũ) cấp; Ngày 17/11/2022, anh Bùi Viết P chuyển quyền sử dụng đất thành của ông Bùi Viết P và bà Trần Thị Hồng N. Do đó, phần diện tích gia tăng tại thửa đất số 2, với diện tích 25,10m² được Công ty cổ phần Đ đo đạc thực tế nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần diện tích gia tăng nêu trên cho gia đình anh Bùi Viết P.

Đối với thửa đất số 3, với diện tích 38,10m² (*diện tích đất thuộc hành lang nương*); thửa đất số 4, với diện tích 38,1m² (*diện tích thuộc lòng nương*)

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03705, ngày cấp 15/5/2020 sơ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Y (cũ) cấp, trên sơ đồ thửa đất thể hiện nương nước và hành lang bảo vệ nương nước. Do đó, thửa đất số 3, với diện tích 38,10m² (*diện tích đất thuộc hành lang nương*); thửa đất số 4, với diện tích 38,1m² (*diện tích thuộc lòng nương*) *thuộc đất Nhà nước quản lý.*

Trên cơ sở Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03705, ngày cấp 15/5/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Y (cũ) cấp cho ông Bùi Viết N2 và bà Lê Thị K với diện tích 170,0m², đất ở tại đô thị; thay đổi sau cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Ngày 07/10/2022, anh Bùi Viết P được nhận tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03705, ngày cấp 15/5/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Y (cũ) cấp; Ngày 17/11/2022, anh Bùi Viết P chuyển quyền sử dụng đất thành của anh Bùi Viết P và chị Trần Thị Hồng N.

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024 và các quy định hiện hành, phần diện tích gia tăng ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông Bùi Viết P chưa đủ căn cứ pháp lý để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông P; đối với phần diện tích nương, hành lang nương trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông Bùi Viết P là đất Nhà nước quản lý.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Bùi Viết N2 và bà Lê Thị K trình bày:* Gia đình ông bà có thửa đất số AD 154782; Diện tích 286m², do

UBND thành phố Y cấp giấy CNQSDĐ ngày 15/8/2005. Khi tuổi cao, sức yếu, ông bà có nguyện vọng phân chia đều cho các con, mỗi con hưởng một ít gọi là của bố mẹ để lại. Ngày 10/5/2017 và ngày 11/11/2017 gia đình ông bà có tổ chức hai cuộc họp về thống nhất các ngày giỗ tong năm và phân chia đất cùng tỷ lệ đóng góp cho mỗi con để rút bìa trong tín dụng ra vì lúc đó ông bà có thể chấp bìa đồ để vay tiền để trang trải cuộc sống lo cho các con. Ngày 23/04/2018 ông bà có làm bảng kê khai tình hình quản lý, sử dụng đất và vẽ sơ đồ phân chia cụ thể vị trí theo thực địa cho các con để nộp cho phường làm thủ tục tách bìa.

Đến tháng 5/2020 con trai của ông bà là Bùi Viết Q làm nhà ở riêng nên ông bà đã tách trước bìa cho anh Q, cho nên lúc này diện tích bìa sử dụng đất chỉ còn 170m² theo GCNQSDĐ CL 589494 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Y cấp ngày 15/5/2020 mang tên ông bà. Ông bà có nguyện vọng là sẽ tách nốt cho các con còn lại là P, T1, K1 và chỗ gian thờ tổ tiên gộp vào cho con P vì P là con cả, sau này sẽ có trách nhiệm hương khói tổ tiên.

Cuối năm 2022 gia đình ông bà sửa sang lại nhà nhưng thiếu kinh phí, lúc đó ông bà đã tuổi cao, hay ốm đau nên các con bàn với nhau là bố mẹ cứ làm thủ tục chuyển tên cho anh P là anh cả đứng tên riêng trên bìa đất đối với toàn bộ diện tích thì không phải mời bên tài nguyên đo đạc lại cho thủ tục được nhanh chóng, để nhanh được giao dịch với Ngân hàng vay tiền làm thủ tục cấp phép xây nhà và anh P sẽ có trách nhiệm tách bìa riêng cho các em sau, việc này do mấy anh em tự bàn bạc nên ông bà thực hiện theo yêu cầu của các con.

Sau khi biết vợ chồng anh P, chị N ra Tòa làm thủ tục ly hôn và chia tài sản, chị N đòi chia phần vị trí đất mà ông bà dự kiến tách ra cho con trai là Bùi Viết T1 có diện tích 50m² ông bà không đồng ý. Ông bà có ý kiến đề nghị anh Bùi Viết P có trách nhiệm tách bìa đồ để trả lại diện tích đất ông bà dự kiến cho anh Bùi Viết T1 là 50m² và thanh toán quyền sử dụng đất trị giá bằng tiền cho chị Bùi Thị Minh K1 đối với phần đất có diện tích 50m².

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị N1 trình bày:

Tháng 02 năm 2015, con gái bà là Trần Thị Hồng N đăng ký kết hôn với anh Bùi Viết P. Đến năm 2022, vợ chồng chị N, anh P làm nhà, gặp khó khăn nên bà có đưa cho chị N số tiền là 350.000.000 đồng để làm nhà, bà đưa tiền cho chị N, N cầm tiền và đưa cho anh Bùi Viết P. Đến tháng 5/2025 anh P có đưa trả cho bà số tiền là 100.000.000 đồng, số tiền vợ chồng chị N, anh P đến thời điểm này còn nợ bà là 250.000.000 đồng.

Nay chị N, anh P làm thủ tục ly hôn tại Tòa án, anh P có trình bày còn nợ bà số tiền là 250.000.000 đồng và đồng ý trả lại cho bà. Tuy nhiên, bà có ý kiến

là số tiền nêu trên 250.000.000 đồng bà cho riêng chị Trần Thị Hồng N, sau này N đã dùng số tiền này nhập vào khối tài sản chung của vợ chồng, nên bây giờ giải quyết ly hôn bà đề nghị Tòa án tính công sức đóng góp của chị N vào việc xây dựng ngôi nhà, đất đứng tên anh P, chị N ở tổ dân phố N, phường Y, tỉnh Lào Cai để chia tài sản cho phù hợp, những gì chị N đã đóng góp thì đề nghị anh P trả lại cho chị N, trong đó có 250.000.000 đồng bà đã cho riêng chị N, thì đề nghị anh P trả lại cho chị N, bà không yêu cầu đòi lại.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Bùi Viết T1 trình bày:* Bố anh là ông Bùi Viết N2, mẹ anh là bà Lê Thị K có thửa đất số: AD 154782 DT 286m² do U cấp ngày 15/08/2005. Khi tuổi đã cao bố mẹ anh có ý định phân chia đều cho các con. Vào ngày 10/5/2017 và ngày 11/11/2017 gia đình anh có tổ chức 2 cuộc họp về thống nhất phân chia đất theo tỷ lệ đóng góp cho các con. Ngày 23/04/2018, bố mẹ anh làm bảng kê khai tình hình quản lý, sử dụng đất và vẽ sơ đồ phân chia cụ thể theo Biên bản họp gia đình ngày 10/05/2017.

Tháng 5/2020, gia đình em trai anh là Bùi Viết Q có ý định làm nhà để tránh ngập úng nên bố mẹ anh đã tách trước cho anh Q, cho nên lúc này diện tích bìa sử dụng đất chỉ còn 170m² theo giấy CNQSD đất CL589494 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Y cấp ngày 15/05/2020 mang tên ông N3 và bà K, trong đó bao gồm diện tích đất của anh P, nơi thờ tổ tiên, chị K1 và anh chưa được tách ra.

Cuối năm 2022, anh P có xây dựng lại căn nhà gỗ do đã xuống cấp, cũ nát nên có bàn với mấy anh em là anh P sẽ xây dựng căn nhà sử dụng hết phần đất của mình được chia + chị K1 + Nơi thờ tổ tiên và bớt lại diện tích phần đất của anh không xây đến như thực tế hiện nay và chị K1 đồng ý. Sau này anh P sẽ có trách nhiệm trả tiền giá trị đất theo thị trường cho chị K1 vì chị K1 lấy chồng ở xa không có nhu cầu sử dụng.

Khi anh P chuẩn bị xây nhà, anh đã yêu cầu là làm thủ tục tách sổ chỗ phần đất của anh riêng ra luôn cho đỡ phức tạp về sau, nhưng anh P năn nỉ là tạo điều kiện cho anh P được sang tên nhanh còn làm thủ tục vay vốn giải ngân ở ngân hàng, lấy tiền xây nhà nếu làm tách thửa luôn thì phải thủ tục đo đạc lại, mất nhiều thời gian, nên giờ chỉ cần bố mẹ ra công chứng tặng riêng cho anh P, khi xong xuôi rồi anh P sẽ có trách nhiệm làm thủ tục tách ra cho anh T1 sau và khi xây sẽ bớt lại không động đến diện tích đất mà ông N2, bà K đã chia cho anh là 4m chiều ngang tính từ nhà anh Q như hiện nay, khi đó có các anh em Q, S, K1 chứng kiến, phần cũng là vì anh em ruột thịt tin tưởng nhau nên anh đã đồng ý.

Sau khi xây nhà xong anh có nhiều lần giục anh P tách sổ ra cho anh theo cam kết nhưng anh P bảo là từ từ đã để còn lo tiền lấy bìa đất đã thế chấp ở ngân hàng ra thì mới mang đi tách thửa được, thời gian gần đây khi biết hai vợ chồng

anh P và chị N làm thủ tục ra toà ly dị, chia tài sản thì anh có nhắn cho chị N là phải tách thửa phần đất của anh ra trong số 170m² ấy rồi hai anh chị muốn chia gì thì chia nhưng chị N im lặng không nói gì. Do đó, anh đề nghị Tòa án giải quyết buộc: Anh Bùi Viết P và chị Trần Thị Hồng N phải làm thủ tục tách thửa diện tích đất hương hỏa mà bố mẹ đã chia cho anh trong tổng số 170m² mà anh P và chị N đang đứng tên đúng vị trí hiện tại anh đang ở và sinh sống, như anh P đã cam kết.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Bùi Viết Q trình bày:* Bố mẹ anh là ông Bùi Viết N2 và bà Lê Thị K có thửa đất số AD 154782, diện tích 286m² do UBND thành phố Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) ngày 15/8/2005. Bố mẹ anh có nguyện vọng phân chia đều cho các con mỗi người hưởng một ít. Ngày 10/5/2017 và ngày 11/11/2017 gia đình anh có tổ chức họp về thống nhất các ngày giỗ trong năm và phân chia đất cùng tỷ lệ đóng góp cho mỗi anh em. Đến tháng 5/2020 anh làm nhà nên ông N2, bà K đã tách thửa thửa đất cho anh, do đó diện tích thửa sử dụng đất còn lại là 170m², theo GCNQSDĐ CL 589494 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Y cấp ngày 15/05/2020 mang tên ông Bùi Viết N2 và bà Lê Thị K, trong đó bao gồm diện tích đất của anh P, nơi thờ tổ tiên, của anh T1 và em K1 chưa được tách ra.

Cuối năm 2022, anh P có xây dựng căn nhà nên có bàn với mấy anh em là anh P sẽ xây dựng căn nhà trong hết phần đất của mình được chia + nơi thờ tổ tiên + phần đất của em K1 50m². Còn phần diện tích 50m² của anh T1 để lại không xây đến, hiện có căn nhà cấp 4 cũ sát nhà anh. Lúc đó, do thiếu kinh phí làm nhà phải vay thêm nên anh P có bàn là cứ để bố mẹ làm thủ tục tặng cho chuyển nhượng sang tên cho anh P là anh cả, sẽ đứng tên riêng trên thửa đất với toàn bộ diện tích là 170m² thì không phải mời bên tài nguyên môi trường đo đạc lại để cho thủ tục được nhanh chóng, để kịp giao dịch với Ngân hàng vay tiền và làm thủ tục cấp phép xây nhà. Sau đó, anh P sẽ có trách nhiệm tách thửa riêng ra phần 50m² của anh T1 trả cho anh T1 và trả tiền giá trị đất 50m² cho chị K1.

Hiện tại, chị Trần Thị Hồng N và anh Bùi Viết P đang làm thủ tục ly hôn và chia tài sản tại Tòa án, chị N đòi chia phần đất 50m² mà ông N2, bà K đã cho anh T1 sát cạnh nhà anh, hiện tại anh T1 đang sinh sống trên thửa đất đấy, nhưng anh P chưa tách ra trong diện tích 170m² thì anh không nhất trí vì không đúng với nội dung mà anh P đã cam kết. Đề nghị anh P thực hiện việc tách thửa phần đất diện tích 50m² mà bố mẹ anh đã cho anh T1 và thực hiện nghĩa vụ thanh toán trị giá bằng tiền phần đất 50m² cho chị K1.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Bùi Thị Minh K1 trình bày:*

Bố mẹ chị là ông Bùi Viết N2 và bà Lê Thị K có thửa đất số AD 154782, diện tích 286m² do Ủy ban nhân dân thành phố Y cấp ngày 15/8/2005. Bố mẹ chị

có nguyện vọng chia đều cho các con, mỗi con hưởng một ít, gọi là của bố mẹ để lại. Ngày 10/5/2017 và ngày 11/11/2017 gia đình có tổ chức họp phân chia đất cùng tỷ lệ đóng góp cho mỗi anh em. Đến tháng 5/2020, anh trai chị là Bùi Viết Q làm nhà nên ông N2, bà K đã tách trước bìa cho anh Q, nên diện tích bìa sử dụng đất chỉ còn là 170m² theo GCNQSDĐ số CL 589494 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Y cấp ngày 15/05/2020 mang tên ông N2, bà K, trong đó bao gồm diện tích đất của anh P, nơi thờ tổ tiên, của anh T1 và chị chưa được tách ra.

Khoảng cuối năm 2022, anh P có bàn với bố mẹ và gia đình xây dựng lại căn nhà nên có bàn với mấy anh em là anh P sẽ xây dựng căn nhà trong hết phần đất của mình được chia là 50m² + Nơi thờ tổ tiên 21.6m² + phần đất của chị 50m², do chị đi lấy chồng xa không có nhu cầu ở, đề cho căn nhà được rộng rãi có chỗ cho anh em về tụ họp. Sau này anh P sẽ có trách nhiệm trả tiền giá trị đất theo giá thị trường cho chị và được chị nhất trí. Lúc đó, do thiếu kinh phí làm nhà phải vay thêm nên anh P có bàn cứ để bố mẹ làm thủ tục chuyển thẳng sang tên cho anh theo hình thức cho tặng riêng anh P là anh cả đứng tên riêng trên bìa đất với toàn bộ diện tích đất là 170m² thì không phải mời bên tài nguyên môi trường đo đạc lại cho thủ tục được nhanh chóng, để kịp thời giao dịch với ngân hàng vay tiền và làm thủ tục cấp phép xây nhà. Sau đó, anh P sẽ có trách nhiệm tách bìa riêng ra phần của anh của anh T1 là 50m²; còn tiền giá trị đất của chị 50m² thì sau này anh sẽ tính toán trả theo giá thị trường tại thời điểm thanh toán. Hiện tại, chị N và anh P đang làm thủ tục ly hôn, chia tài sản chung tại Tòa án, chị N đòi chia phần đất mà bố mẹ chị đã cho anh T1 nhưng anh P chưa tách ra trong diện tích đất 170m² và không thấy nói gì đến việc thanh toán tiền giá trị đất 50m² cho chị thì chị không đồng ý. Chị đề nghị anh P thực hiện đúng cam kết của mình với các em là tách bìa đồ diện tích 50m² cho anh T1 và thực hiện thanh toán giá trị bằng tiền đối với phần đất diện tích 50m² cho chị. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 13/10/2025, chị K1 trình bày đây chỉ là quan điểm, ý kiến riêng của chị đối với việc giải quyết vụ án, chị không đề nghị Tòa án buộc anh P phải trả cho chị số tiền nêu trên trong vụ án này, mà chị và anh P sẽ tự giải quyết với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lào Cai phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự: Từ khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án đến khi nghị án đã đúng theo quy định của pháp luật, quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự đã được bảo đảm. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 244, các Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016

UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng N được ly hôn anh Bùi Viết P.
- Về nuôi con: Giao cháu Bùi Phương T2, sinh ngày 18/6/2016 cho chị Trần Thị Hồng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi. Anh Bùi Viết P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền là 3.000.000 đồng/01 tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 01 năm 2026.
- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn của chị Trần Thị Hồng N.
- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Hồng N phải chịu 75.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; anh Bùi Viết P phải chịu 75.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.
- Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn; bị đơn - anh Bùi Viết P có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố N, phường Y, tỉnh Lào Cai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lào Cai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đều có bản tự khai và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt trong hồ sơ (riêng anh Bùi Viết T1 không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt lưu trong hồ sơ, nhưng anh T1 thuộc trường hợp vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ). Việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Hồng N và anh Bùi Viết P tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 07/02/2015 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái cũ (nay là phường Y, tỉnh Lào Cai), trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp... Anh chị đã tìm nhiều biện pháp để khắc phục nhưng không cải thiện được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần, nhưng chị N và anh P đều đề nghị Tòa

án giải quyết cho ly hôn nên Tòa án hòa giải không thành. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu đồng thuận ly hôn của các đương sự.

[3] Về nuôi con:

Chị N và anh P có 01 con chung là cháu Bùi Phương T2, sinh ngày 18/6/2016. Cả chị N và anh P đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T2. HĐXX thấy nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2 của chị N, anh P là chính đáng, tuy nhiên theo tài liệu đương sự cung cấp trong hồ sơ vụ án, tại Giấy xác nhận tình trạng bệnh tật của Bệnh viện N4 ngày 15/9/2025 kết luận cháu T2 bị rối loạn hoạt động và chú ý (có biểu hiện tăng động) do đó để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu T2 cần giao cháu T2 cho chị Trần Thị Hồng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con số tiền là 3.000.000 đồng/01tháng. Quá trình giải quyết vụ án, anh P thừa nhận đang làm công việc kinh doanh có mức thu nhập dao động từ 15 đến 20 triệu đồng/01 tháng. Do đó, mức cấp dưỡng chị N yêu cầu là phù hợp với mức thu nhập của anh P, đảm bảo cho điều kiện sinh hoạt tối thiểu của cháu T2 nên được HĐXX chấp nhận.

[5] Về chia tài sản, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án hòa giải không thành nên đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tuy nhiên, trước ngày mở phiên tòa, chị Trần Thị Hồng N và anh Bùi Viết P đã tự nguyện, thỏa thuận được với nhau về việc phân chia tài sản, nợ chung. Ngày 07 tháng 01 năm 2026, chị Trần Thị Hồng N có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản, nợ chung. Tại Điều 5 Bộ luật TTDS 2015 có quy định về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự như sau

1. Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý, giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó.

2. Trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền chấm dứt, thay đổi yêu cầu của mình hoặc thỏa thuận được với nhau một cách tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Việc chị Trần Thị Hồng N rút yêu cầu về việc chia tài sản, nợ chung là tự nguyện. Trong vụ án này, còn có các đương sự khác có yêu cầu, đề nghị đối với

việc phân chia tài sản giữa chị N và anh P, nhưng HĐXX xác định đây chỉ là quan điểm, ý kiến của họ đối với việc giải quyết vụ án, chứ không phải là yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập. Đối với khoản nợ của chị N, anh P tại Quỹ tín dụng phường N vẫn chưa đến hạn thanh toán, Quỹ tín dụng cũng không yêu cầu Tòa án buộc chị N, anh P phải trả nợ trong vụ án này. Do đó, HĐXX chỉ tập trung giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản, nợ chung; bị đơn không có yêu cầu phản tố; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nên Tòa án đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc phân chia tài sản, nợ chung. Các đương sự có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình khi có nhu cầu.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Do các đương sự thuận tình ly hôn trước khi mở phiên tòa sơ thẩm, nên mỗi đương sự phải chịu 25% án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 75.000 đồng.

Về án phí cấp dưỡng: Người có nghĩa vụ cấp dưỡng phải chịu tiền án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Chị Trần Thị Hồng N rút yêu cầu khởi kiện về việc phân chia tài sản, nợ chung nên được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Về chi phí tố tụng: Các đương sự không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

[8] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết nội dung vụ án là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 218, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Hồng N và anh Bùi Viết P.

2. Về nuôi con: Giao cháu Bùi Phương T2, sinh ngày 18/6/2016 cho chị Trần Thị Hồng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi. Anh Bùi Viết P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền là 3.000.000 đồng/01 tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Trần Thị Hồng N có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Bùi Viết P chưa thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản, nợ chung của nguyên đơn do chị Trần Thị Hồng N rút yêu cầu khởi kiện.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Hồng N, anh Bùi Viết P mỗi người phải chịu 75.000 (bảy mươi năm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Số tiền án phí của chị N được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0002433 ngày 19/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái cũ (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1-Lào Cai), chị N được trả lại 225.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Chị Trần Thị Hồng N được trả lại số tiền tạm ứng án phí về việc chia tài sản, nợ chung là 18.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002433 ngày 19/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái cũ (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1-Lào Cai).

Tổng số tiền án phí chị N được trả lại là: 18.225.000 đồng.

Anh Bùi Viết P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con. Tổng số tiền án phí anh P phải chịu là 375.000 đồng (chưa nộp).

5. Về quyền kháng cáo: Anh Bùi Viết P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Chị Trần Thị Hồng N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- THA tỉnh Lào Cai;
- VKSNDKV1 - Lào Cai;
- Các đương sự (10);
- UBND P. Yên Bái, tỉnh Lào Cai
(GCNKH số 14/2015; quyền số
01/2015 ngày 07-02-2015 của UBND
p. Nguyễn Thái Học cũ).
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thủy